TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Hùng Định và bà Đỗ Thị Hải.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Trọng Khiêm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trần Phúc H** – sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Kim B** – sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn T3, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Phúc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 27/9/2013. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc. Nhưng vì công việc nên anh chị không thể sống gần nhau. Vợ anh sinh con khoảng 01 năm tuổi thì sống nhờ nhà cha mẹ đẻ tại thôn T3, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên. Còn anh thì làm việc tại tỉnh Đồng Nai nên tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Vợ anh muốn sống cùng nhà cha mẹ vợ nên hoàn cảnh anh chị dần mâu thuẫn, giữa anh chị không còn tình yêu với nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau cũng từ năm 2015 đến nay. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với chị B được nữa, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Trong thời sống chung anh chị có 01 con chung tên Trần Phúc H1 – sinh ngày 10/6/2014. Cháu H1 đang sống cùng chị B. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị B. Anh không cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Huỳnh Thị Kim B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V chứng nhận ngày 27/9/2013. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc. Nhưng vì công việc nên anh chị không thể sống gần nhau. Chị sinh con được 1,5 tuổi (khoảng năm 2016) thì sống nhờ nhà cha mẹ đẻ tại thôn T3, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên. Anh H thì làm việc tại tỉnh Đồng Nai nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không hạnh phúc. Anh chị dần mâu thuẫn nên không còn tình yêu với nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau cũng từ khi mẹ con chị về sống nhờ nhà cha mẹ đẻ đến nay. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh H được nữa, hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Trong thời sống chung anh chị có 01 con chung tên Trần Phúc H1 – sinh ngày 10/6/2014. Cháu H1 đang sống cùng chị. Cháu H1 có nguyện vọng sống cùng chị. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng Cháu H1, không yêu cầu anh H cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự vắng mặt giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trần Phúc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim B. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa anh H và chị B xảy ra mâu thuẫn, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 27/9/2013. Các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án cho ly hôn vì trong quá trình sống chung, giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không gần nhau thời gian dài kể từ năm 2016, tình cảm vợ chồng phai nhạc, không còn hòa hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H và chị B.

- Về con chung: Các đương sự thống nhất có 01 con chung tên Trần Phúc H1 – sinh ngày 10/6/2014. Cháu H1 đang sống cùng chị B và có nguyện vọng sống cùng chị B. Chị B có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng Cháu H1, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Nên chấp nhận yêu cầu của đương sự giao Cháu H1 cho chị B tiếp tục trông nom, chăm sóc. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Phúc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Trần Phúc H được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim B.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Phúc H1 – sinh ngày 10/6/2014 cho chị Huỳnh Thị Kim B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về Tài sản chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trần Phúc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền số 0000017, ngày 20/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Phú Yên. Anh H đã nộp đủ.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã H, huyện K, tỉnh khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương